**TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT**

**VỀ LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

**Phần A**

**Giới thiệu về Luật Lực lượng dự bị động viên**

Sau hơn 23 năm thực hiện, Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên1 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nói chung và lực lượng dự bị động viên nói riêng ngày càng hùng hậu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Pháp lệnh đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Để tiếp tục xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, có chất lượng cao làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, ngày 26/11/2019, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa XIV) đã biểu quyết thông qua Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 và thay thế Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên năm 1996.

**I. Sự cần thiết ban hành Luật Lực lượng dự bị động viên**

Thứ nhất, để phù hợp với chủ trương, quan điểm mới của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Từ năm 1996 đến nay, Đảng ta đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về lực lượng dự bị động viên cần được thể chế, như: Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 05/10/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc có sự phát triển và khẳng định: Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu,… đủ khả năng bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia trong mọi tình huống.

Thứ hai, để phù hợp với Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, về xây dựng lực lượng dự bị động viên; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và một số quy định khác liên quan đến lực lượng dự bị động viên. Trong khi đó, Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Mặt khác, một số nội dung của Pháp lệnh chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định liên quan đến lực lượng dự bị động viên2; nhiều nội dung đang được điều chỉnh ở văn bản quy phạm pháp luật tính pháp lý chưa cao, chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ.

Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là Thông tư số 17/2014/TT-BTP, ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức khảo sát toàn diện và nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan đến bình đẳng giới để xây dựng chính sách cho lực lượng dự bị động viên.

Thứ ba, để khắc phục những hạn chế, thiếu sót của Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên. Qua tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh trên phạm vi cả nước đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, như: thực hiện chế độ, nền nếp đăng ký, quản lý, kiểm tra sức khỏe định kỳ; việc triển khai đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân chưa thực sự hiệu quả, việc xử lý vi phạm chưa nghiêm; việc tổ chức các đơn vị dự bị động viên gặp khó khăn, v.v. Thực tiễn đòi hỏi, huy động lực lượng dự bị động viên tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm; việc bảo đảm doanh trại, thao trường, bãi tập cho huấn luyện tập trung đơn vị dự bị động viên gặp nhiều khó khăn; các đơn vị bộ đội địa phương cơ bản chưa có doanh trại, thao trường, bãi tập để tổ chức huấn luyện,... nhưng nội dung này chưa được quy định trong Pháp lệnh. Chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị quy định trong Pháp lệnh không phù hợp với thực tế mặt bằng thu nhập chung của xã hội; chưa quy định cụ thể chế độ, chính sách đối với người được huy động phục vụ nhiệm vụ xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; chưa quy định chế độ, chính sách đối với chủ phương tiện khi có phương tiện được huy động, v.v.

Thứ tư, xuất phát từ thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới, những năm gần đây và dự báo chiến tranh trong tương lai. Ngoài chiến tranh truyền thống còn xuất hiện chiến tranh phi quy ước, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và việc sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, v.v. Nhằm chủ động ngăn ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi và đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm lược nếu xảy ra, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Pháp lệnh nâng thành Luật Lực lượng dự bị động viên, tạo hành lang pháp lý đầy đủ và cao hơn nhằm đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

**II. Nội dung cơ bản của Luật Lực lượng dự bị động viên**

Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019, gồm: 5 chương, 41 điều. Trong phạm vi bài viết này, xin giới thiệu một số nội dung cơ bản sau:

1. Phạm vi điều chỉnh. Điều 1, Luật Lực lượng dự bị động viên xác định: các vấn đề Luật điều chỉnh quy định về xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên; chế độ, chính sách, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên; so với Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên năm 1996, đây là điều luật mới được bổ sung, bảo đảm kỹ thuật xây dựng văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung quy định tại Điều này xác định đối tượng mà các quy định của Luật tác động là cơ quan, tổ chức, cá nhân; nội dung các Điều luật đã liệt kê cụ thể các đối tượng áp dụng.

2. Nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên. Được quy định tại Điều 3 của Luật, một số nguyên tắc quan trọng, như: tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức,… và được quản lý chặt chẽ. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, v.v.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản của tổ chức, công dân. Điều 5, Luật quy định quyền và nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị. Điều 6, quy định bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra; phù hợp với quyền về tài sản của Hiến pháp năm 2013; việc quy định bồi thường thiệt hại là cần thiết, đồng thời viện dẫn mức bồi thường, việc chi trả tiền bồi thường thiệt hại cho chủ phương tiện thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản là phù hợp, rõ ràng, minh bạch và bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm. Điều 7, quy định 05 hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên, đó là: (1). Trốn tránh thực hiện trách nhiệm của quân nhân dự bị, nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động. (2). Chống đối, cản trở việc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên. (3). Huy động, điều động lực lượng dự bị động viên không có trong kế hoạch được phê duyệt. (4). Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. (5). Phân biệt đối xử về giới trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

5. Kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên. Mục 1, Chương II của Luật này (từ Điều 8 đến Điều 11), quy định cụ thể thẩm quyền lập kế hoạch, nội dung kế hoạch, thẩm định, phê duyệt và rà soát, điều chỉnh lập mới kế hoạch, nhằm đảm bảo thống nhất hệ thống kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên các cấp từ Trung ương đến địa phương, cũng như trong Quân đội được giao bảm đảm tính kế hoạch trong xây dựng lực lượng dự bị động viên từ thời bình để sẵn sàng bổ sung lực lượng thường trực của Quân đội khi có tình huống xảy ra kịp thời, hiệu quả.

6. Xây dựng lực lượng dự bị động viên. Quy định tại Mục II, Chương II (từ Điều 12 đến Điều 23) về đăng ký, quản lý quân nhân dự bị; đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị; thẩm quyền giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên; tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên; tiêu chuẩn về sức khỏe, chuyên nghiệp quân sự, vùng, địa bàn, nguyên tắc, thứ tự sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên; về độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình; về thẩm quyền sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên; về huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên và chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị, v.v. Trong đó, có một số quy định đáng chú ý, như sau:

Điều 12, quy định về đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, Luật giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký quân nhân dự bị; việc đăng ký quân nhân dự bị giao Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã. Việc quản lý quân nhân dự bị, giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức nhằm thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, tránh phiền hà cho công dân và gắn trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, tổ chức trong quản lý công dân.

Điều 13, quy định đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị, giao cho cơ quan chức năng nhà nước thực hiện trên cơ sở cung cấp thông tin của cơ quan đăng ký quyền sở hữu, cơ quan quản lý phương tiện và Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc diện đăng ký quyền sở hữu phương tiện kỹ thuật dự bị. Quy định  trên không ảnh hưởng quyền tài sản của công dân, tổ chức, tránh phiền hà đến chủ phương tiện có phương tiện kỹ thuật dự bị thuộc diện đăng ký, quản lý, không ảnh hưởng đến hoạt động, kinh doanh của phương tiện.

Điều 15, quy định về tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên, như sau: (1). Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân được tổ chức thành các đơn vị dự bị động viên. (2). Đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, có số lượng dự phòng từ 10% đến 15% và dự trữ vũ khí, trang bị kỹ thuật theo phân cấp.

Điều 17, quy định về độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên, như sau: Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 35 tuổi được sắp xếp vào đơn vị chiến đấu. Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 45 tuổi; Nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi được sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu. Khi có chiến tranh, việc gọi quân nhân dự bị vào thực hiện nhiệm vụ tại ngũ được thực hiện theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật Quân nhân chuyên nghiệp và công nhân, viên chức quốc phòng và Luật Nghĩa vụ quân sự. Luật quy định độ tuổi của quân nhân dự bị trong thời bình như trên đã được đánh giá kỹ tác động, sắp xếp vào đơn vị chiến đấu, sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu bảo đảm nguồn để huy động vào lực lượng dự bị động viên.

Điều 22, Luật quy định, Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên hằng năm cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao chỉ tiêu cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc gọi quân nhân dự bị huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Luật Nghĩa vụ quân sự.

Quân nhân dự bị được hoãn tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu trong trường hợp: trùng với thời gian thi tuyển công chức, viên chức; thi nâng bậc thợ, nâng ngạch công chức, viên chức; thi kết thúc học kỳ, thi kết thúc khóa học được cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc xác nhận. Bị ốm đau hoặc hoàn cảnh gia đình, bản thân khó khăn đột xuất không thể tham gia, được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã nơi quân nhân dự bị cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc xác nhận.

Điều 23, quy định về chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị, Luật giao cho cấp huyện, cấp xã tổ chức sinh hoạt là cấp trực tiếp đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự chủ trì phối hợp với các ban, ngành làm tham mưu.

7. Huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên. Mục III, Chương II (từ Điều 24 đến Điều 28), quy định về các trường hợp huy động lực lượng dự bị động viên; huy động lực lượng dự bị động viên khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ; huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; thông báo quyết định, lệnh huy động lực lượng dự bị động viên và quy định về tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên. Trong đó, Điều 24, quy định các trường hợp huy động lực lượng dự bị động viên, như sau: (1). Khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ. (2). Khi thi hành lệnh thiết quân luật. (3). Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp. (4). Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm. Việc quy định như trên thống nhất với Luật Quốc phòng trong sử dụng lực lượng vũ trang có hiệu quả cao nhất khi có tình huống để phòng, chống, khắc phục hậu quả, ổn định tình hình.

8. Chế độ, chính sách bảo đảm cho xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên. Từ Điều 29 đến Điều 32, quy định chế độ phụ cấp đối với quân nhân dự bị được xếp vào đơn vị dự bị động viên, quân nhân dự bị được bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên; chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; chế độ trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị; chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian huy động. Giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ, chính sách nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của từng thời kỳ, từng giai đoạn để xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Việc Luật quy định như trên được rà soát chặt chẽ, đầy đủ đối tượng, trách nhiệm, quyền lợi, thể hiện quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với đối tượng được thụ hưởng, thống nhất quy định của pháp luật.

9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên. Điều 40, quy định cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm phối hợp với địa phương bố trí thời gian cho quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; tiếp nhận, bố trí công việc cho quân nhân dự bị khi kết thúc huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện xong nhiệm vụ.

Việc quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức nhằm bảo đảm quyền lợi của quân nhân dự bị khi thực hiện các nhiệm vụ được giao, tạo điều kiện để quân nhân dự bị yên tâm tư tưởng phục vụ trong ngạch dự bị.

10. Một số nội dung mới quy định trong Luật Lực lượng dự bị động viên như sau:

Một là, Điều 6, bổ sung quy định bảo đảm quyền về tài sản của tổ chức, công dân đối với phương tiện kỹ thuật dự bị phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về quyền tài sản và thống nhất quy định pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản, cụ thể là chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được bồi thường thiệt hại trong các trường hợp.

Hai là, Điều 22, bổ sung quy định về cơ sở huấn luyện cấp tỉnh đối với các địa phương nhằm khắc phục, nâng cao chất lượng quân nhân dự bị, phù hợp thực tế.

Ba là, Điều 24, bổ sung quy định các trường hợp được huy động lực lượng dự bị động viên, như: khi thi hành lệnh thiết quân luật; khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

Bốn là, tại các Điều 29, 30, 31 và 32, bổ sung quy định về chế độ, chính sách, như: quân nhân dự bị được hưởng phụ cấp khi đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động.

Năm là, bổ sung trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

Triển khai thực hiện Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019, Chính phủ và Bộ Quốc phòng sẽ tiếp tục ban hành văn bản chi tiết thi hành Luật để tổ chức thực hiện. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, trình Chính phủ các văn bản chi tiết thi hành các điều, khoản của Luật, quy định tại khoản 4, Điều 8; khoản 4, Điều 12; khoản 4, Điều 13; khoản 3, Điều 21; khoản 7, Điều 22; khoản 3, Điều 23; khoản 4, Điều 26; khoản 4, Điều 27; khoản 3, Điều 28; khoản 3, Điều 29; khoản 6, Điều 30 và Điều 31.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan của Bộ Quốc phòng đang tiến hành soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch để trình Chính phủ văn bản chi tiết 05 nghị định, ban hành 02 thông tư của Bộ Quốc phòng, đúng thẩm quyền, quy định3, bảo đảm đồng bộ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 khi Luật có hiệu lực thi hành

**Phần II. HỎI ĐÁP PHÁP LUẬT**

**Câu 1: Lực lượng dự bị động viên được quy định trong Luật Lực lượng dự bị động viên như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 2 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định *Lực lượng dự bị động viên* bao gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

**Câu 2.** **Quân nhân dự bị được quy định trong Luật Lực lượng dự bị động viên như thế nào?**

Trả lời: Khoản 2 Điều 2 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định *Quân nhân dự* *bị* bao gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được đăng ký theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự.

**Câu 3.** **Đơn vị dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật dự bị, huy động lực lượng dự bị động viên** **được quy định trong Luật Lực lượng dự bị động viên như thế nào?**

*Trả lời:*

Khoản 3 Điều 2 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định “*Đơn vị dự bị động viên”* là tổ chức quân sự gồm phần lớn hoặc toàn bộ là quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân; có tổ chức, biên chế chưa hoàn chỉnh hoặc chưa tổ chức trong thời bình, nhưng có kế hoạch động viên, bổ sung trong thời chiến khi có lệnh động viên.

Theo khoản 3 Điều 2 Luật Lực lượng dự bị động viên thì “Phương tiện kỹ thuật dự bị” là tài sản của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, bao gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện đường thủy, phương tiện đường không dân dụng, phương tiện xây dựng cầu đường, phương tiện xây dựng công trình, phương tiện xếp dỡ hàng hóa, phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế và một số loại phương tiện, thiết bị khác được đăng ký theo yêu cầu biên chế của Quân đội nhân dân.

Theo khoản 7 Điều 2 Luật Lực lượng dự bị động viên thì “Huy động lực lượng dự bị động viên” là việc gọi quân nhân dự bị, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị để bàn giao cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân theo quy định của Luật này.

**Câu 4:** **Nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

 Theo Điều 3 Luật Lực lượng dự bị động viên quy địnhthì lực lượng dự bị động viên được xây dựng, huy động theo nguyên tắc sau:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

- Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

- Xây dựng, huy động đơn vị dự bị động viên bảo đảm đủ quân số, phương tiện kỹ thuật dự bị; đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật và kế hoạch dược phê duyệt.

- Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

**Câu 5: Quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị dự bị động viên có trách nhiệm gì? Trách nhiệm của Quân nhân dự bị khi giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên?**

**Trả lời:**

\* Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật Lực lượng dự bị động viênthì Quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị dự bị động viên có trách nhiệm sau:

- Kiểm tra sức khỏe;

- Thực hiện lệnh gọi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu;

- Thực hiện chế độ sinh hoạt đơn vị dự bị động viên và nhiệm vụ do người chỉ huy giao;

- Thực hiện lệnh huy động để bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

\* Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật Lực lượng dự bị động viênthì trách nhiệm của Quân nhân dự bị khi giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên như sau:

- Kiểm tra sức khỏe; Thực hiện lệnh gọi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; Thực hiện chế độ sinh hoạt đơn vị dự bị động viên và nhiệm vụ do người chỉ huy giao; Thực hiện lệnh huy động để bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

- Nắm tình hình số lượng, chất lượng đơn vị; duy trì đơn vị sinh hoạt theo chế độ và thực hiện chế độ báo cáo;

- Quản lý, chỉ huy đơn vị khi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu;

- Quản lý, chỉ huy đơn vị để bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

**Câu 6: Chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị có những quyền và nghĩa vụ gì? Trong trường hợp nào thi chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được bồi thường thiệt hại? Ai là người bồi thường thiệt hại cho chủ phương tiện kỹ thuật dự bị?**

**Trả lời:**

\* Tại Điều 5 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị có những quyền và nghĩa vụ như sau:

 **-** Chủ phương tiện kỹ thuật dự bị có nghĩa vụ chấp hành quyết định huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị; được hoàn trả phương tiện kỹ thuật dự bị, thanh toán các khoản chi phí và bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra.

- Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị có nghĩa vụ chấp hành quyết định huy động; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này.

\* Khoản 1 Điều 6 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau:

- Phương tiện kỹ thuật dự bị bị hư hỏng, bị mất hoặc bị tiêu hủy;

- Thiệt hại về thu nhập do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị trực tiếp gây ra.

\* Khoản 2 Điều 6 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chủ phương tiện kỹ thuật dự bị như sau:

Người có thẩm quyền quyết định huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường thiệt hại. Mức bồi thường và việc chi trả tiền bồi thường thiệt hại cho chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

Trường hợp phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động là tài sản nhà nước giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập bị hư hỏng, bị mất hoặc bị tiêu hủy thì được bố trí kinh phí để sửa chữa hoặc mua mới theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Câu 7: Luật Dự bị động viên quy định hành vi nghiêm cấm nào trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên?**

**Trả lời:**

Điều 7 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên như sau:

- Trốn tránh thực hiện trách nhiệm của quân nhân dự bị, nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động.

- Chống đối, cản trở việc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

- Huy động, điều động lực lượng dự bị động viên không có trong kế hoạch được phê duyệt.

- Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Phân biệt đối xử về giới trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

**Câu 8: Cơ quan nào thực hiện việc đăng ký, quản lý quân nhân dự bị?**

**Trả lời:**

Điều 12 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định cơ quan thực hiện việc đăng ký, quản lý quân nhân dự bị như sau:

- Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương.

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị tại nơi cư trú.

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện quản lý quân nhân dự bị cư trú tại địa phương.

- Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức trên địa bàn.

**Câu 9: Việc sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

 Điều 16 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định việc sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên như sau:

- Sắp xếp quân nhân dự bị đủ tiêu chuẩn về sức khỏe, có chuyên nghiệp quân sự đúng với chức danh biên chế; gắn địa bàn tuyển quân với địa bàn động viên; trường hợp thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị có chuyên nghiệp quân sự gần đúng với chức danh biên chế.

- Sắp xếp quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được thực hiện theo thứ tự quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng một trước, trường hợp thiếu thì sắp xếp binh sĩ dự bị hạng hai.

- Sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên thuộc đơn vị bộ đội chủ lực trước, đơn vị bộ đội địa phương sau.

**Câu 10: Trong thời bình độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được Nhà nước quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 17 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình như sau:

- Độ tuổi sĩ quan dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Độ tuổi quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được quy định như sau:

+ Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 35 tuổi được sắp xếp vào đơn vị chiến đấu;

+ Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 45 tuổi; nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi được sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu.

**Câu 11: Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tước danh hiệu quân nhân, giải ngạch đối với quân nhân dự bị được Nhà nước quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 20 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tước danh hiệu quân nhân, giải ngạch đối với quân nhân dự bị được Nhà nước quy định như sau:

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; giải ngạch sĩ quan dự bị thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Việc phong, thăng quân hàm và giải ngạch quân nhân chuyên nghiệp dự bị thực hiện theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

- Việc bổ nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm; tước danh hiệu quân nhân và giải ngạch hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị thực hiện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

**Câu 12: Nhà nước quy định quân nhân dự bị được hoãn tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Khoản 4 Điều 22 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định quân nhân dự bị được hoãn tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu trong trường hợp sau:

 - Trùng với thời gian thi tuyển công chức, viên chức; thi nâng bậc thợ, nâng ngạch công chức, viên chức; thi kết thúc học kỳ, thi kết thúc khóa học được cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc xác nhận;

- Bị ốm đau hoặc hoàn cảnh gia đình, bản thân khó khăn đột xuất không thể tham gia, được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã nơi quân nhân dự bị cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc xác nhận.

**Câu 13: Nhà nước quy định như thế nào về hình thức sinh hoạt quân nhân dự bị?**

**Trả lời:**

Theo Điều 3Thông tư số 84/2020/TT-BQP ngày 30/6/2020 của Bộ Quốc phòng thì:

- *Cán bộ Khung A* là sĩ quan tại ngũ được biên chế trong đơn vị khung thường trực của Quân đội nhân dân.

-  *Cán bộ Khung B* là quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên, có quy mô tổ chức từ cấp tiểu đội và tương đương đến cấp trung đoàn và tương đương.

Điều 4 Thông tư số 84/2020/TT-BQP ngày 30/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định hình thức, nội dung, thời gian sinh hoạt của quân nhân dự bị như sau:

- Quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên được tổ chức sinh hoạt theo hình thức tập trung.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cùng cấp tổ chức sinh hoạt đối với cán bộ Khung B. Trường hợp địa bàn rộng hoặc cán bộ Khung B số lượng đông, tổ chức sinh hoạt theo cụm xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã: Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cùng cấp tổ chức sinh hoạt đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

**Câu 14: Nội dung sinh hoạt quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên được Nhà nước quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 84/2020/TT-BQP ngày 30/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định hình thức, nội dung, thời gian sinh hoạt của quân nhân dự bị thì nội dung sinh hoạt đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên như sau:

- Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chủ trì sinh hoạt, nội dung gồm: Kiểm tra quân số; thông báo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quán triệt nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương và những nội dung có liên quan đến nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên; đánh giá kết quả, khả năng sẵn sàng động viên và hoàn thành nhiệm vụ của quân nhân dự bị.

- Chi trả phụ cấp cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên:

+ Sau khi tổ chức sinh hoạt theo quy định, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức chi trả phụ cấp cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

+ Trường hợp quân nhân dự bị đủ điều kiện được hưởng phụ cấp nhưng không trực tiếp đến nhận, nếu có lý do chính đáng, được ủy quyền cho người lĩnh thay; giấy ủy quyền phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã) nơi quân nhân dự bị cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc.

**Câu hỏi 15: Thời gian sinh hoạt của quân nhân dự bị như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 6 Thông tư số 84/2020/TT-BQP ngày 30/6/2020 của Bộ Quốc phòng thì thời gian sinh hoạt quân nhân dự bị như sau:

- Mỗi quý một lần (vào tháng cuối quý), Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức sinh hoạt cán bộ Khung B, thời gian sinh hoạt không quá ½ ngày.

- Tháng 12 hằng năm, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã) tổ chức sinh hoạt quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên, thời gian sinh hoạt không quá ½ ngày.

 **Câu 16: Trong những trường hợp nào thì Nhà nước huy động lực lượng dự bị động viên?**

**Trả lời:**

Điều 24 Luật Lực lượng dự bị động viên quy định Nhà nước huy động lực lượng dự bị động viên trong những trường hợp sau:

- Khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ.

- Khi thi hành lệnh thiết quân luật.

- Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp.

- Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

**Câu 17: Huy động lực lượng dự bị động viên khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 25 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định việc huy động lực lượng dự bị động viên khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ như sau:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị huy động ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra lệnh huy động đơn vị dự bị động viên ở từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, lệnh huy động của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, việc huy động lực lượng dự bị động viên được quy định như sau:

+ Người có thẩm quyền theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự quyết định gọi quân nhân dự bị nhập ngũ;

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động phương tiện kỹ thuật dự bị trong đơn vị dự bị động viên do cơ quan mình xây dựng;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị ở địa phương; trường hợp đơn vị Quân đội nhân dân không có người vận hành, điều khiển thì được quyết định huy động người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

**Câu 18: Nhà nước quy định như thế nào về việc huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1, 2, 3 Điều 26 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định việc huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ như sau:

1. Huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ bao gồm những trường hợp sau: Khi thi hành lệnh thiết quân luật; Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị trong trường hợp: Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

3. Người chỉ huy đơn vị Quân đội nhân dân được giao quản lý địa phương thiết quân luật quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

**Câu 19: Nhà nước quy định như thế nào về phụ cấp đối với quân nhân dự bị được xếp, bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên? Mức phụ cấp, điều kiện và thời gian được hưởng phụ cấp là như thế nào?**

**Trả lời:**

\* Điều 29 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định phụ cấp đối với quân nhân dự bị được xếp, bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên như sau:

1. Quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên được hưởng phụ cấp.

2. Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ tiểu đội trưởng hoặc tương đương trở lên được hưởng phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị và thôi hưởng phụ cấp nêu trên.

\* Điều 3, Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên quy định phụ cấp đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên như sau:

1. Phụ cấp đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên

- Mức 160.000 đồng/tháng đối với sĩ quan dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

- Mức 320.000 đồng/năm đối với quân nhân chuyên nghiệp dự bị; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

2. Phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị dự bị động viên

Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ cấp tiểu đội và tương đương trở lên được hưởng phụ cấp như sau:

- Mức 480.000 đồng/quý đối với Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng và tương đương.

- Mức 560.000 đồng/quý đối với Trung đội trưởng và tương đương.

- Mức 640.000 đồng/quý đối với Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội và tương đương.

- Mức 720.000 đồng/quý đối với Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội và tương đương.

- Mức 800.000 đồng/quý đối với Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó tiểu đoàn và tương đương.

- Mức 880.000 đồng/quý đối với Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn và tương đương.

- Mức 960.000 đồng/quý đối với Phó Trung đoàn trưởng, Phó Chính ủy trung đoàn và tương đương.

- Mức 1.040.000 đồng/quý đối với Trung đoàn trưởng, Chính ủy trung đoàn và tương đương.

3. Điều kiện và thời gian hưởng phụ cấp

- Sĩ quan dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên có thời gian xếp vào đơn vị dự bị động viên từ đủ 15 ngày trong tháng trở lên thì tháng đó được hưởng phụ cấp; dưới 15 ngày trong tháng thì tháng đó không được hưởng phụ cấp.

- Quân nhân chuyên nghiệp dự bị; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên có thời gian xếp vào đơn vị dự bị động viên từ đủ 06 tháng liên tục trở lên thì năm đó được hưởng phụ cấp; dưới 06 tháng thì năm đó không được hưởng phụ cấp.

- Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ cấp tiểu đội và tương đương trở lên thực hiện trách nhiệm quản lý đơn vị dự bị động viên và có đủ 45 ngày trong một quý trở lên thì quý đó được hưởng phụ cấp. Trong quý, quân nhân dự bị được bổ nhiệm chức vụ mới thì từ quý tiếp theo được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo chức vụ mới.

- Thời gian hưởng phụ cấp đối với sĩ quan dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; quân nhân chuyên nghiệp dự bị; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên; Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ cấp tiểu đội và tương đương trở lên là khoảng thời gian quân nhân dự bị đã xếp vào đơ-vị dự bị động viên; quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên.

đ) Đối tượng hưởng phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị dự bị động viên thi thôi hưởng phụ cấp đối với quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên

**Câu 20: Nhà nước quy định những chế độ, chính sách nào mà quân nhân dự bị được hưởng trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ?**

**Trả lời:**

Điều 30 Luật Lực lượng dự bị động viên trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ quân nhân dự bị được hưởng những chế độ, chính sách sau:

1. Chế độ tiền lương và phụ cấp:

- Quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc trong cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, học tập, làm việc trả nguyên lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp, phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe. Trường hợp mức lương, phụ cấp thấp hơn mức lương, phụ cấp áp dụng trong Quân đội nhân dân thì đơn vị Quân đội nhân dân trả phần chênh lệch;

- Quân nhân dự bị không thuộc các đối tượng trên được đơn vị Quân đội nhân dân cấp một khoản phụ cấp theo ngày làm việc trên cơ sở mức tiền lương cơ bản của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, tại ngũ hoặc bằng mức phụ cấp theo cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; tiền tàu xe và phụ cấp đi đường như đối với quân nhân tại ngũ.

2. Quân nhân dự bị được cấp hoặc mượn quân trang, đồ dùng sinh hoạt và bảo đảm tiền ăn theo chế độ hiện hành đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

3. Quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc trong cơ quan, tổ chức nếu đang nghỉ phép năm mà được gọi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ thì những ngày phép còn lại được nghỉ tiếp sau khi kết thúc nhiệm vụ hoặc được nghỉ bù vào thời gian thích hợp.

4. Quân nhân dự bị khi thực hiện nhiệm vụ bị thương hoặc hy sinh được công nhận là thương binh hoặc liệt sĩ thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

5. Quân nhân dự bị khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng chế độ, chính sách như đối với người lao động làm cùng công việc.

6. Quân nhân dự bị tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; trường hợp không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ.

**Câu 21: Phụ cấp theo ngày làm việc sĩ của quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 4, Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ thì quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện (huấn luyện, chuyển loại, chuyển hạng, bổ túc), diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; học viên đào tạo sĩ quan dự bị  không thuộc diện đang lao động, học tập, làm việc trong các cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được hưởng phụ cấp theo ngày làm việc trên cơ sở mức tiền lương cơ bản của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, tại ngũ hoặc bằng mức phụ cấp theo cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; tiền tàu xe và phụ cấp đi đường như đối với quân nhân tại ngũ được thực hiện như sau:

1. Đối với sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, mức phụ cấp 01 ngày được tính bằng tháng tiền lương cơ bản hiện hành của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm hoặc cùng bậc lương quân nhân chuyên nghiệp tại ngũ chia cho 26 ngày.

2. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị, mức phụ cấp theo ngày làm việc được tính bằng mức phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ có cùng cấp bậc quân hàm (không bao gồm phụ cấp quân hàm do kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ). Nếu thời gian tập trung từ 05 ngày đến 15 ngày thì được hưởng 1/2 tháng phụ cấp; nếu tập trung từ 16 ngày cho đến 31 ngày thì được hưởng cả tháng phụ cấp; nếu tập trung trên 31 ngày thì mức phụ cấp tiếp tục được hưởng như quy định từ đầu.

3. Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị bị ốm đau, tai nạn đi khám bệnh, chữa bệnh thì thời gian đi khám bệnh, chữa bệnh được hưởng phụ cấp theo ngày làm việc nhưng không vượt quá thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động.

4. Đơn vị trực tiếp tổ chức huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động đi làm nhiệm vụ chi trả chế độ đối với sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

**Câu 22: Chế độ khám bệnh, chữa bệnh; trợ cấp tai nạn; trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro đối với quân nhân dự bị không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 6 Nghị định 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên thìchế độ của quân nhân dự bị không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luậttrong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ, nếu bị ốm đau, bị tai nạn hoặc chết được thực hiện như sau:

1. Chế độ khám bệnh, chữa bệnh

Được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân, dân y; được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, tiền ăn bệnh lý theo hóa đơn thu tiền (nếu điều trị nội trú); nếu hết thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động mà phải tiêp tục điều trị thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn bệnh lý tối đa không quá 15 ngày.

2.  Chế độ trợ cấp tai nạn

- Điều kiện hưởng trợ cấp: Quân nhân dự bị nếu bị tai nạn được Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên khám, giám định kết luận mức độ suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được hưởng trợ cấp trong trường hợp: Trên đường từ nơi ở đến nơi tập trung huấn luyện hoặc khi kết thúc đợt tập trung huấn luyện trở về nơi ở; trong giờ làm việc và tại nơi thực hiện nhiệm vụ; ngoài giờ làm việc, ngoài nơi làm nhiệm vụ khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người chỉ huy có thẩm quyền.

-  Mức trợ cấp: Suy giảm khả năng lao động 5% thì được trợ cấp một lần bằng 8.000.000 đồng; sau đó, cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 800.000 đồng.

3.  Chế độ trợ cấp đối với trường hợp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

a)  Chết do tai nạn, gia đình được trợ cấp một lần bằng 57.600.000 đồng; thân nhân hoặc người tổ chức mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 16.000.000 đồng.

b) Chết do ốm đau, tai nạn rủi ro, gia đình được trợ cấp một lần bằng 4.800.000 đồng; thân nhân hoặc người tổ chức mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 16.000.000 đồng.

4.  Chế độ, chính sách trên không áp dụng đối với quân nhân dự bị bị ốm đau, tai nạn hoặc chết thuộc một trong các nguyên nhân sau đây:

-  Do mâu thuẫn của chính bản thân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ của đơn vị.

- Do cố ý tự hủy hoại sức khỏe bản thân; do say rượu, bia; do vi phạm kỷ luật Quân đội, pháp luật của Nhà nước.

-   Do sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần trái với quy định của pháp luật.

**Câu 23: Hồ sơ đề nghị giám định tai nạn và hưởng trợ cấp tai nạn; hồ sơ hưởng trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro đối với quân nhân dự bị được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 8 Nghị định 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên thì hồ sơ, trách nhiệm, trình tự giải quyết trợ cấp tai nạn và trợ cấp chết do tai nạn hoặc do ốm đau, tai nạn rủi ro được pháp luật quy định như sau:

1.  Hồ sơ đề nghị giám định tai nạn: Giấy giới thiệu của đơn vị trực tiếp huấn luyện dự bị động viên cấp trung đoàn hoặc cơ sở đào tạo sĩ quan dự bị (đơn vị trực tiếp huấn luyện) (01 bản chính); giấy ra viện (01 bản chính hoặc bản sao) hoặc trích sao hồ sơ bệnh án; giấy chứng nhận thương tích (01 bản sao) của cơ sở y tế (nơi đã cấp cứu, điều trị quân nhân dự bị); biên bản điều tra tai nạn do đơn vị trực tiếp huấn luyện lập (01 bản chính).

2. Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn: Biên bản điều tra tai nạn do đơn vị trực tiếp huấn luyện lập (01 bản chính); giấy ra viện (01 bản chính hoặc bản sao) hoặc trích sao hồ sơ bệnh án, hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích của cơ sở y tế (nơi đã cấp cứu, điều trị quân nhân dự bị); lệnh gọi tập trung huấn luyện hoặc quyết định gọi đào tạo sĩ quan dự bị của cấp có thẩm quyền (01 bản sao); biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa của bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên (02 bản chính); quyết định trợ cấp của đơn vị trực tiếp huấn luyện (02 bản chính). Trường hợp bị tai nạn giao thông thì có thêm biên bản tai nạn giao thông của cơ quan công an hoặc cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng (01 bản chính hoặc bản sao).

3.  Hồ sơ hưởng trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro: Biên bản điều tra tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro do đơn vị trực tiếp huấn luyện lập (01 bản chính); giấy báo tử hoặc giấy chứng tử (01 bản sao) hoặc trích lục khai tử hoặc bản sao quyết định tuyên bố là đã chết của tòa án đã có hiệu lực pháp luật (đổi với trường hợp mất tích); lệnh gọi tập trung huấn luyện hoặc quyết định gọi đào tạo sĩ quan dự bị của cấp có thẩm quyền (01 bản sao); quyết định trợ cấp của đơn vị trực tiếp huấn luyện (02 bản chính).

4.  Hồ sơ được lập thành 02 bộ, lưu tại: Đơn vị trực tiếp huấn luyện (01 bộ); cá nhân quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị hoặc gia đình đối tượng 01 bộ (đối với trường hợp chết).

**Câu 24: Gia đình quân nhân dự bị được hưởng mức trợ cấp như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 5 Nghị định 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên thì gia đình quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện (huấn luyện, chuyển loại, chuyển hạng, bổ túc), diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ được hưởng trợ cấp như sau:

1.  Mức trợ cấp

-  Mức trợ cấp 160.000 đồng/ngày áp dụng đối với gia đình quân nhân dự bị thuộc diện đang lao động, học tập, làm việc trong các cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

-  Mức trợ cấp 240.000 đồng/ngày áp dụng đối với gia đình quân nhân dự bị không thuộc đối tượng trên.

-  Trường hợp quân nhân dự bị ốm đau, tai nạn đi khám bệnh, chữa bệnh thì gia đình quân nhân dự bị được hưởng trợ cấp nhưng không vượt quá thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động.

Sau khi kết thúc đợt tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động, đơn vị trực tiếp huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động lập danh sách quân nhân dự bị; xác nhận số ngày tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động; mức trợ cấp gia đình quân nhân dự bị, gửi về Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi quân nhân dự bị được gọi tập trung để chi trả trợ cấp cho gia đình quân nhân dự bị.

**Câu 25: Theo quy định của Nhà nước người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động thì được hưởng chế độ, chính sách gì?**

**Trả lời:**

Điều 32 của Luật Lực lượng dự bị động viên quy định chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động được quy định như sau:

- Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị được bảo đảm tiền ăn tương đương với tiền ăn của chiến sĩ bộ binh; trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết, bị suy giảm khả năng lao động hoặc khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách như đối với quân nhân dự bị.

- Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, làm việc trả nguyên lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp, phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe; trường hợp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được đơn vị Quân đội nhân dân chi trả tiền công lao động cho ngày làm việc tính theo mức thu nhập trung bình 03 tháng liền kề của công việc mà người đó thực hiện trước khi được huy động, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe.

**Câu 26. Cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm như thế nào đối với quân nhân dự bị?**

**Trả lời:**

Theo Điều 40 Luật Lực lượng dự bị động viên thì cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm phối hợp với địa phương bố trí thời gian cho quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; tiếp nhận, bố trí công việc cho quân nhân dự bị khi kết thúc huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện xong nhiệm vụ.